

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

-----o0o-----

BIÊN QUỐC THẮNG

**VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Chuyên ngành : CNDVBC & CNDVLS

Mã số : 62 22 03 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2017

Công trình được hoàn thành tại: **Học viện Khoa học Xã hội** Viện
Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TSKH Lương Đình Hải**

Phản biện 1: **GS.TS Lê Văn Quang**

Phản biện 2: **GS.TS Nguyễn Ngọc Long**

Phản biện 3: **GS.TS Dương Xuân Ngọc**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện tại Học viện Khoa học Xã hội
(477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội)
Vào ngày....tháng.....năm 2017

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia Việt Nam,
Học viện Khoa học Xã hội

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

I. Bài báo khoa học

1. Biền Quốc Thắng (2014), *“Thành phố Hồ Chí Minh phát huy vai trò đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, Tạp chí Khoa học, số 2, tr.39-45.
2. Biền Quốc Thắng (2015), *“Vai trò đội ngũ trí thức Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới”*, Tạp chí Tuyên giáo, số 3, tr.42-45.
3. Biền Quốc Thắng (2015), *“Hoạt động nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 71, tr.56-59.
4. Trương Văn Tuấn, Biền Quốc Thắng (2015), *“Yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 1 + 2, tr.133-139.
5. Biền Quốc Thắng (2015), *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cấp Thành phố: “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo yêu cầu tái cơ cấu kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh”, tr.219-226.
6. Biền Quốc Thắng (2015), *“Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế”*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 7, tr.52-56.
7. Biền Quốc Thắng (2015), *“Tìm hiểu quan niệm về “Trí thức”*”, Tạp chí Phát triển Nhân lực, số 6, tr.21-26.
8. Lại Quang Ngọc, Biền Quốc Thắng (2016), *“Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”*, Tạp chí Giáo dục, số 388, tr.21-24
9. Biền Quốc Thắng (2016), *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng”*, Tạp chí Phát triển Nhân lực, số 1, tr.17- 21.
10. Biền Quốc Thắng (2016), *“Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình kinh tế”*, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 3, tr.18-20 và tr.62.
11. Biền Quốc Thắng (2016), *“Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 3, tr.33-37 và tr.42.
12. Biền Quốc Thắng (2016), *“Nhận diện “Trí thức” hiện nay”*, Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 3, tr.68-77.

II. Đề tài khoa học

1. Thành viên tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ: *“Nâng cao hiệu quả hợp tác công tư trong xây dựng kết cấu hạ tầng ở Thành phố Hồ Chí Minh”*. Mã số: B15-20 nghiệm thu ngày 29/5/2016, xếp loại: Đạt.
2. Thành viên tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ: *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay: Yêu cầu và giải pháp”*, Mã số: Bộ 2013-2014, nghiệm thu ngày 19/9/2016, xếp loại: Khá.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cuộc cách mạng KH&CN ngày nay đã đưa nhân loại chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, từ chỗ lấy tài nguyên thiên nhiên, vốn đầu tư, nguồn lao động giá rẻ; sang lấy trí tuệ, tri thức của con người làm nguồn lực, tạo nên sức mạnh quốc gia, động lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi đất nước. Vì vậy, vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với mỗi quốc gia, dân tộc hiện nay là phải đầu tư xây dựng nguồn lực trí tuệ vững mạnh, phát huy tri thức của con người một cách có hiệu quả để đưa đất nước hòa nhập vào xu hướng phát triển mới của thời đại.

Đối với Việt Nam, một quốc gia bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội với điểm xuất phát thấp, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, các cuộc chiến tranh để lại hậu quả nặng nề. Ý thức được xu thế của thời đại và thực trạng của đất nước, trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta đã chỉ rõ: cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi các nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp. Do đó, để tránh nguy cơ tụt hậu, sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại đòi hỏi chúng ta phải phát huy có hiệu quả sức mạnh tổng hợp các nguồn lực, trong đó “đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng”. Vì vậy, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức để đưa đất nước phát triển đi lên, có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới là một trong những yêu cầu cấp bách nhất đối với Việt Nam giai đoạn hiện nay.

Đối với TPHCM, từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt và có nhiều đóng góp tích cực, quan trọng vào sự phát triển của Thành phố. Tuy nhiên, trước yêu cầu “cùng cả nước, vì cả nước”, “đi trước, về đích trước” trong sự nghiệp CNH, HĐH và với mục tiêu xây dựng TPHCM trở thành Thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình, sớm trở thành một trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, KH&CN của khu vực; thì những đóng góp của đội ngũ trí thức vẫn chưa đáp ứng yêu cầu và chưa ngang tầm với trình độ phát triển của các thành phố trong khu vực. Chính vì vậy, việc đi sâu phân tích một cách khách quan, có hệ thống vai trò của đội ngũ trí thức trong thời kỳ đổi mới, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp khoa học để phát huy có hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ này, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của TPHCM cũng như cả nước là nhiệm vụ mang tính cấp thiết hơn bao giờ hết.

Với những lý do như trên, nghiên cứu sinh đã chọn vấn đề: ***Vai trò đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*** để làm đề tài luận án tiến sĩ Triết học của mình, với mong muốn góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

2.1. Mục đích của đề tài: trên cơ sở luận giải, làm sáng tỏ vai trò đội ngũ trí thức TP HCM trong thời kỳ đổi mới, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hơn vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ của đề tài: ngoài việc tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đề tài, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ cơ bản như:

Thứ nhất, luận giải một số nội dung lý luận về trí thức và vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Thứ hai, phân tích để chỉ ra những thành tựu, hạn chế và một số vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TP HCM từ khi đổi mới đến nay.

Thứ ba, đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ trí thức TP HCM trong thời gian tới.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Về cơ sở lý luận: luận án tiếp cận dưới góc độ triết học xã hội, triển khai trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò đội ngũ trí thức.

Về phương pháp nghiên cứu: trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: phân tích và tổng hợp, lịch sử và lôgic, quy nạp và diễn dịch, thống kê và so sánh, trừu tượng hóa và khái quát hóa.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Về đối tượng nghiên cứu: luận án nghiên cứu vai trò đội ngũ trí thức TP HCM đối với sự phát triển của TP HCM trong thời kỳ đổi mới.

Về phạm vi nghiên cứu: đội ngũ trí thức TP HCM - là những trí thức đang sinh sống, làm việc ở các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn TP HCM từ đổi mới (1986) đến nay.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, luận án góp phần làm sáng tỏ vai trò đội ngũ trí thức TP HCM trong thời kỳ đổi mới trên cơ sở phân tích những thành tựu và hạn chế của nó.

Hai là, luận án chỉ ra và phân tích một số bất cập trong việc phát huy vai trò đội ngũ trí thức TP HCM từ khi đổi mới đến nay.

Ba là, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hơn vai trò đội ngũ trí thức TP HCM trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về ý nghĩa lý luận: luận án góp phần làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận về quan niệm, đặc điểm trí thức, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam; đặc điểm và thực trạng vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới.

Về ý nghĩa thực tiễn: kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho cán bộ quản lý các cấp ở TPHCM trong việc phát huy vai trò đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; là tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy những nội dung liên quan đến đội ngũ trí thức.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những công trình nghiên cứu ngoài nước và trong nước liên quan đến luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu bàn về quan niệm, đặc điểm, vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam

Những công trình nghiên cứu ngoài nước. Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, vấn đề trí thức đã được chú ý nghiên cứu từ lâu. Trong các công trình, các tác giả đã làm sáng tỏ sự cần thiết phải quan tâm đến công tác đào tạo, tuyển chọn, sử dụng, bố trí, đãi ngộ, tạo môi trường,... cho nhân tài, trí thức phát triển. Đơn cử như: Thẩm Vinh Hoa và Ngô Quốc Diệu: *“Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài, kế lớn trăm năm chấn hưng đất nước”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008; Nhiều tác giả: *“Về trí thức Nga”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009... Ngoài ra, một số công trình mặc dù không đề cập trực tiếp đến trí thức, song vấn đề này đã được tác giả lồng ghép trong các nghiên cứu của mình như: Lý Quang Diệu: *“Tuyển 40 năm chính luận của Lý Quang Diệu”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994; Okuhina Yasuhiro: *“Chính trị và kinh tế Nhật Bản”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994; Nghiêm Ngạn Thân: *“Phát hiện và sử dụng nhân tài”*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012... Kết quả từ các nghiên cứu kể trên là tài liệu tham khảo có giá trị để tác giả hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của luận án.

Những công trình nghiên cứu trong nước. Trên bình diện rộng, một số công trình đã đề cập đến khái niệm, đặc điểm, chỉ ra vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam, tiêu biểu có Phạm Tất Dong: *“Trí thức Việt Nam thực tiễn và triển vọng”*, Nxb

Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995; Nguyễn Thanh Tuấn: *“Một số vấn đề về trí thức Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998; Nguyễn Khánh Bật và Trần Thị Huyền: *“Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH theo tư tưởng Hồ Chí Minh”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012... Ở phạm vi nghiên cứu hẹp hơn, một số công trình đã bàn về trí thức một số giới, ngành, lĩnh vực khá cụ thể như: Đỗ Thị Thạch: *“Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp CNH, HĐH”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005; Lê Quang Quý: *“Trí thức ngành kiến trúc trong thời kỳ đổi mới”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006; Ngô Thị Phụng: *“Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007;... Mặc dù đã đạt được một số kết quả trong việc nghiên cứu các nội dung: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nhân tố ảnh hưởng đến vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam. Tuy nhiên, các nội dung trên hiện vẫn chưa có sự thống nhất; một số nghiên cứu quá chú trọng nhấn mạnh đến đặc điểm, vai trò này mà xem nhẹ đặc điểm, vai trò khác; hay phân tích vai trò trí thức trên bình diện quá rộng nên chưa làm nổi bật được thiên chức riêng có của đội ngũ này. Vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu đề tài, tác giả luận án sẽ tiếp tục phân tích, làm sáng tỏ các vấn đề trên.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu bàn về thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh

Về thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam có các công trình nghiên cứu nổi bật như: Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Quốc Bảo: *“Một số vấn đề về trí thức Việt Nam”*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2001; Nguyễn Văn Khánh: *“Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước”*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2004; Nguyễn Đức Hưng: *“Trí thức Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009; Đàm Đức Vượng: *“Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014;... Các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ được thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong giai đoạn đấu tranh giải phóng dân tộc và trong công cuộc đổi mới đất nước. Thành công của các nghiên cứu trên sẽ là cơ sở, gợi ý quan trọng cho tác giả khi phân tích thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới sâu sắc và toàn diện hơn.

Về thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM có các nghiên cứu tiêu biểu như: Nguyễn Quới: *“Trí thức TPHCM và những vấn đề của trí thức xây dựng chủ nghĩa xã hội”*, Tạp chí Xã hội học, số 4, 1989; Trương Văn Tuấn: *“Thực trạng đội ngũ trí thức TPHCM và giải pháp*

phát triển đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế”, Tạp chí Khoa học Đại học sư phạm TPHCM, số 7, 2012; Vũ Đức Khiên: *“Tìm hiểu về thực trạng đội ngũ trí thức TPHCM trong sự nghiệp CNH, HĐH”*, Tạp chí Phát triển Nhân lực, số 2, 2013;... Ở chừng mực nhất định, các công trình đã phần nào làm sáng tỏ được thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới. Tuy nhiên, đại đa số các nghiên cứu trên mới chỉ dừng lại ở mức độ khái quát, mang tính liệt kê, chưa đi sâu phân tích để làm sáng tỏ những thành tựu, hạn chế, nêu lên những vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện vai trò của đội ngũ này một cách có hệ thống. Do vậy, đây sẽ là nội dung tác giả tập trung phân tích trong luận án của mình.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu bàn về giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh

Về giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam có: Nguyễn Quốc Bảo, Đoàn Thị Lịch: *“Trí thức trong công cuộc đổi mới đất nước”*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1998; Phạm Tất Dong: *“Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong CNH, HĐH”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001; Nguyễn Đắc Hưng: *“Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005; Đàm Đức Vượng: *“Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014;... Các công trình kể trên đã đề ra một số giải pháp nhằm phát huy vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam. Kết quả các nghiên cứu trên sẽ là tiền đề quan trọng để tác giả luận án xây dựng các giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời gian tới.

Về giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM có: Nguyễn Quới, *“Trí thức TPHCM và những vấn đề của trí thức xây dựng chủ nghĩa xã hội”*, Tạp chí Xã hội học, số 4, 1989; Trần Văn Phương: *“Khả năng thu hút và thực tế sử dụng trí thức Việt kiều về làm việc tại TPHCM trong quá trình phát triển và hội nhập”*, Đề tài nghiên cứu cấp Viện, Viện Nghiên cứu phát triển TPHCM, 2009; Trương Văn Tuấn: *“Trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*, Tạp chí Phát triển Nhân lực, số 2, 2009; Nguyễn Võ: *“5 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW ở Đảng bộ TPHCM, những chuyển biến bước đầu”*, Sổ tay Xây dựng Đảng, số 12, 2013;... Mặc dù các công trình đã đề ra một số giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM. Tuy nhiên, giải pháp các công trình trên đưa ra mới chỉ dừng lại ở mức độ khái quát, chung chung. Do vậy, luận án sẽ tập trung phân tích vấn đề này một cách cụ thể, có hệ thống hơn.

1.2. Giá trị khoa học của những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề luận án tiếp tục làm sáng tỏ

1.2.1. Những giá trị khoa học của các công trình tổng quan

Thứ nhất, bàn về trí thức và đội ngũ trí thức Việt Nam. Hiện đang có nhiều quan niệm khác nhau về trí thức, tuy nhiên đã có một số “tiêu chí” được đại đa số các tác giả tán thành như: trí thức là một tầng lớp xã hội, lao động trí óc phức tạp, sáng tạo, có trình độ học vấn cao, có trách nhiệm đối với sự phát triển xã hội... Đại đa số tác giả đều khẳng định: trong mọi thời đại, trí thức luôn có vai trò quyết định đối với sự hưng thịnh, tiến bộ hay suy vong của mỗi dân tộc, mỗi xã hội. Một số nhà khoa học đã chỉ ra những tồn tại, yếu kém, cơ hội, thách thức của đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay như: trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, luật pháp quốc tế... Một số công trình còn nêu lên những nhân tố ảnh hưởng, đề xuất các phương hướng, giải pháp phát huy vai trò đội ngũ trí thức nước ta.

Thứ hai, bàn về đội ngũ trí thức TPHCM. Các tác giả thống nhất cho rằng: trí thức TPHCM là bộ phận của đội ngũ trí thức Việt Nam, luôn đồng hành cùng với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Một số nghiên cứu đã đưa ra những đánh giá, dự báo xu hướng vận động, biến đổi của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới. Mặc dù đề cập còn ở dạng khái quát, liệt kê là chủ yếu, song các nghiên cứu đã đưa ra một số phương hướng, giải pháp để xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ trí thức TPHCM.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ

Thứ nhất, về quan niệm, đặc điểm trí thức, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam. Tán thành quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức, luận án sẽ đi sâu phân tích một số đặc điểm cơ bản của trí thức để làm cơ sở phân biệt với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội. Bên cạnh đó, luận án sẽ tập trung phân tích một số vai trò mang tính đặc trưng của đội ngũ trí thức Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Về nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam hiện vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào diễn đạt vấn đề này một cách đầy đủ, cụ thể. Do đó, trên cơ sở kế thừa các kết quả đã đạt được, luận án sẽ tiếp tục đi sâu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam.

Thứ hai, về đặc điểm và vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM. Hiện chưa có công trình nào nghiên cứu về đặc điểm, vai trò đội ngũ trí thức TPHCM một cách chuyên sâu, có hệ thống dưới góc độ Triết học. Chính vì vậy, luận án sẽ tập trung nghiên cứu vấn đề này trên các phương diện

như: *Một là*, phân tích một cách khái quát về TPHCM. *Hai là*, nêu và phân tích một số đặc điểm của đội ngũ trí thức TPHCM. *Ba là*, đi sâu phân tích và chứng minh những thành tựu, hạn chế đối với việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới. *Bốn là*, chỉ ra và phân tích một số vấn đề còn bất cập trong việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM. *Năm là*, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả hơn vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong thời gian tới.

Kết luận chương 1

Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận, thực tiễn về đội ngũ trí thức Việt Nam nói chung và đội ngũ trí thức TPHCM nói riêng thời kỳ đổi mới. Qua việc tổng quan, một mặt tạo điều kiện cho tác giả kế thừa những giá trị mà các nghiên cứu trước đó đạt được để phục vụ cho luận án của mình; mặt khác, cung cấp thông tin giúp tác giả luận án nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về những vấn đề, khía cạnh các công trình trước đó chưa đề cập, nghiên cứu, hoặc đã đề cập, nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ, hay mới chỉ làm rõ ở các khía cạnh, góc độ khoa học khác.

Chương 2

MỘT SỐ NỘI DUNG LÝ LUẬN VỀ TRÍ THỨC VÀ VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VIỆT NAM

2.1. Quan niệm và đặc điểm của trí thức

2.1.1. Quan niệm về trí thức

Thứ nhất, quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về trí thức. Theo các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin, trí thức không phải là một giai cấp mà là một tầng lớp xã hội đặc biệt, chuyên lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn, đại diện tiêu biểu cho trí tuệ đương thời. Trí thức còn là người có tư duy độc lập, có tính sáng tạo cao trong công việc, lực lượng chủ yếu trong việc phổ biến và vận dụng tri thức để thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của xã hội.

Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức. Hồ Chí Minh cho rằng: trí thức là sự hiểu biết. Người trí thức phải lấy trí thức, sự hiểu biết của mình phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc, đồng hành cùng nhân dân giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước độc lập, nhân dân tự do, ấm no, hạnh phúc. Người phê bình “trí thức nửa mùa” - những người mang danh trí thức nhưng không có đóng góp gì cho sự phát triển của xã hội.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay từ khi thành lập đã sớm nhận ra vai trò quan trọng của trí thức đối với sự nghiệp cách mạng. Tuy

nhiên, trong giai đoạn đầu, do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho nhận thức về trí thức của một số người lãnh đạo trong Đảng lệch lạc, không đúng với thực tế. Vấn đề này sau đó được nhận thức đầy đủ và tiến bộ hơn; từ đó nhiều trí thức phát huy được vai trò của mình trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm đến công tác xây dựng, phát huy đội ngũ trí thức; đánh giá cao vai trò sáng tạo, phát minh, phản biện xã hội của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế.

Thứ ba, một số quan niệm khác về trí thức. Bên cạnh quan niệm trong các Từ điển, xuất phát từ nhiều góc độ, phương pháp nghiên cứu khác nhau, một số tác giả đã đưa ra quan niệm của mình về trí thức, trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chí như: lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn cao, có khả năng sáng tạo tri thức khoa học, có hiểu biết sâu về một lĩnh vực chuyên môn, nhạy bén với cái mới, có đạo đức, sự dũng cảm, có khí phách, có trách nhiệm với xã hội,...

Trong luận án này, tác giả cơ bản tán thành với quan điểm của Đảng ta khi cho rằng: *Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội.* Nhận thấy, định nghĩa trên đã bao quát khá đầy đủ các đối tượng, nêu bật được các đặc trưng tiêu biểu của trí thức; trong đó, định nghĩa đã chỉ ra sản phẩm lao động của trí thức có nội hàm rộng hơn so với một số quan niệm khác. Xuất phát từ những lý do đó, luận án cho rằng, đây là định nghĩa hoàn thiện hơn cả.

2.1.2. Đặc điểm cơ bản của trí thức

Thứ nhất, là người lao động trí óc phức tạp. Đây là hình thức lao động đòi hỏi chủ thể phải phát huy cao độ khả năng tư duy để khái quát hóa, trừu tượng hóa nhằm làm sáng tỏ các sự vật, hiện tượng một cách khoa học, có hệ thống. Với hình thức lao động như vậy, chủ thể lao động phải hao phí năng lượng thần kinh trung ương rất nhiều, bởi vì kết quả của quá trình lao động này thường tạo ra những tri thức khoa học, tri thức lý luận, giá trị văn hóa, kết tinh trong đó hàm lượng chất xám cao.

Thứ hai, là người có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo. Tư duy là giai đoạn nhận thức lý tính, trình độ cao trong quá trình nhận thức của con người. Trí thức là người có khả năng đi sâu nghiên cứu để tìm ra, nắm bắt những thuộc tính, mối liên hệ khách quan, bản chất, phát hiện ra tính quy luật chi phối sự vận động, phát triển, từ đó hình thành các khái niệm tương ứng với các mặt, các mối liên hệ để xây dựng nên hình ảnh

mới về sự vật. Thực chất đây là hoạt động sáng tạo của người trí thức nhằm khám phá bản chất sự vật, hiện tượng. Để thực hiện hoạt động trên đòi hỏi người trí thức phải có tư duy sáng tạo – nghĩa là không rập khuôn, gò bó, giáo điều, phụ thuộc vào cái cũ; mà luôn phải suy nghĩ, tìm tòi, khám phá cái mới, phù hợp, tối ưu nhằm đáp ứng yêu cầu với những điều kiện lịch sử cụ thể. Sự sáng tạo đó không phải ai cũng có, khi nào cũng xuất hiện, mà nó thường có mầm mống, được tích lũy dần theo thời gian thông qua quá trình GD&ĐT, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, được nảy sinh trong quá trình say mê nghiên cứu, khám phá, biểu đạt, xúc cảm... Đây là đặc trưng cơ bản, tiêu biểu nhất của người trí thức.

Thứ ba, là người có trình độ học vấn và chuyên môn cao. Với hình thức lao động đặc thù, trí thức phải có trình độ học vấn ít nhất có trình độ từ đại học trở lên mới đáp ứng được. Do đó, so với mặt bằng chung của xã hội, trí thức là những người có trình độ học vấn cao hơn. Tuy nhiên, trên thực tế có những người dù không có bằng cấp cao nhưng lại có nhiều sáng tạo được xã hội ghi nhận như là người trí thức thực thụ. Còn những người dù có trình độ đại học, trên đại học, nhưng lao động của họ không phải là lao động trí óc phức tạp, sáng tạo, không có năng lực tư duy độc lập... thì chưa thể coi là trí thức, mà họ là nửa - trí thức!. Vì thế, bằng cấp chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là điều kiện đủ để trở thành người trí thức. Bên cạnh đó, trí thức còn là người có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực nhất định.

Thứ tư, là người tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội. Trí thức thường dùng tri thức để sáng tạo ra các sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị đối với xã hội. Sản phẩm đó có hàm lượng chất xám cao, có khả năng dự báo, ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội, có tính trung thực cao, có sự kế thừa cái cũ nhưng hoàn thiện hơn cái cũ, mang đậm dấu ấn cá nhân, thường tồn tại dưới dạng tinh thần là chủ yếu. Sản phẩm đó mặc dù tác động trực tiếp hay gián tiếp, hoặc sau một thời gian mới được xã hội hóa, song đều hướng đến các giá trị chân, thiện, mỹ, mang lại hạnh phúc cho nhân dân, thúc đẩy xã hội tiến bộ.

Thứ năm, là người truyền bá và áp dụng tri thức vào thực tiễn. Truyền bá tri thức là quá trình phổ biến các kết quả nghiên cứu sáng tạo của trí thức đến với toàn xã hội. Đây là nhu cầu, nhưng đồng thời cũng là trách nhiệm của chính bản thân người trí thức. Người trí thức chân chính phải mang tri thức, sự hiểu biết của bản thân áp dụng vào thực tiễn, nhằm phục vụ nhân dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển toàn diện của xã hội. Nếu không làm được điều đó thì chỉ được xem là người có trình độ học vấn cao, lao động trí óc, chứ chưa thể được coi là người trí

thức đúng nghĩa, thực thụ. Mặt khác, quá trình truyền bá và áp dụng tri thức vào thực tiễn cũng chính là cơ sở, mầm mống để hình thành sự sáng tạo tri thức khoa học, giá trị văn hóa mới của người trí thức.

Như vậy, để phân biệt trí thức với các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội cần dựa trên tổng thể các đặc điểm cơ bản nêu trên. Tuy nhiên, “trí thức” là một phạm trù lịch sử, do đó, các đặc điểm cơ bản nêu trên cũng chỉ có ý nghĩa tương đối, chung nhất mà thôi.

2.2. Vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam

2.2.1. Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam

Vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam có nhiều nội dung, tuy nhiên, luận án chỉ tập trung phân tích các nội dung cơ bản, mang tính đặc trưng như:

Thứ nhất, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Với năng lực lao động sáng tạo, có trách nhiệm cao với nhân dân và sự phát triển của đất nước, thông qua việc đi sâu nghiên cứu một cách khách quan, có hệ thống học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các tư tưởng tiến bộ của nhân loại, tổ chức nghiên cứu các đề tài độc lập, các cuộc điều tra, khảo sát, hội thảo...đội ngũ trí thức đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học có giá trị cho Đảng, Nhà nước ta làm căn cứ để hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển đất nước.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Là lực lượng chủ đạo trong việc sáng tạo và truyền bá tri thức, thông qua các hoạt động như: xây dựng chương trình, trực tiếp tham gia giảng dạy, biên soạn, xuất bản giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu, hướng dẫn thực hành, thực tập...đội ngũ trí thức đã góp phần mở rộng quy mô đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, trình độ lý luận chính trị cho>NNLCLC.

Thứ ba, nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN góp phần thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Xuất phát từ trình độ học vấn và chuyên môn cao, đội ngũ trí thức đã đi sâu nghiên cứu sáng tạo ra hệ thống các tri thức KH&CN. Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức còn tổ chức ứng dụng các giá trị KH&CN, các phát minh, sáng chế thành những tư liệu sản xuất; chuyển giao các thành tựu KH&CN cho các tổ chức, cá nhân nhằm hiện đại hóa các tư liệu sản xuất, phương tiện sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả, năng suất lao động, hiện đại hóa xã hội.

Thứ tư, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bằng quá trình nghiên cứu, đội ngũ trí thức đã sáng tạo ra các công trình, tác phẩm VH&NT có giá trị. Cùng với đó, đội

ngũ trí thức còn thực hiện việc giữ gìn, giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; nhận diện, phân tích, phản bác những âm mưu, luận điệu xuyên tạc, vu cáo của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

Thứ năm, phản biện xã hội góp phần hoàn thiện các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Với ưu thế về trình độ chuyên môn, sự nhạy cảm trước thời cuộc, thông qua hoạt động phản biện xã hội, đội ngũ trí thức đưa ra các lập luận, chứng cứ, chỉ ra tính hợp lý, khả thi hay không hợp lý, từ đó giúp Đảng và Nhà nước ta có cơ sở khoa học để hoàn thiện các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm khi thực thi chúng trên thực tế có được sự đồng thuận, thống nhất trong xã hội, tránh những sai sót, lãng phí, tổn kém tiền của, công sức của nhân dân.

2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam

Thứ nhất, truyền thống văn hóa, tâm lý, phong tục, tập quán của dân tộc. Dân tộc Việt Nam với các giá trị truyền thống văn hóa, tâm lý, phong tục, tập quán tốt đẹp đã và đang bồi đắp tâm hồn, tình cảm, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo động lực cho đội ngũ trí thức vươn lên trong lao động sáng tạo, từ đó có nhiều cống hiến cho sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh đó, dân tộc ta vẫn còn tồn tại một số tâm lý, phong tục, tập quán lạc hậu đang kìm hãm sự hình thành, phát triển cũng như hạn chế việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam.

Thứ hai, đường lối, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước. Nếu như đường lối, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước đúng đắn, tiên bộ, phù hợp với thời đại, thực tiễn của đất nước, đặc thù lao động của trí thức sẽ khơi dậy tiềm năng, thôi thúc lòng say mê thực hiện vai trò của đội ngũ này; còn ngược lại, sẽ gây cản trở, kìm hãm, thậm chí làm mất phương hướng việc thực hiện vai trò của đội ngũ này.

Thứ ba, giáo dục và đào tạo. Nếu nội dung, chương trình GD&ĐT khoa học, hiện đại, phương pháp giảng dạy, học tập tiên tiến sẽ nâng cao chất lượng người học, hình thành đội ngũ trí thức đông đảo về số lượng, mạnh về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, từ đó có nhiều đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Ngược lại, một nền giáo dục lạc hậu, chậm phát triển, hay phát triển thiếu toàn diện, bất hợp lý về cơ cấu, sẽ ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển cũng như chất lượng việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức.

Thứ tư, môi trường và điều kiện hoạt động. Nếu như đội ngũ trí thức được sống và làm việc trong một môi trường dân chủ, lành mạnh, các điều kiện vật chất và tinh thần đầy đủ, hiện đại, hội nhập quốc tế mở

rộng... sẽ là chất xúc tác cho sự sáng tạo, cống hiến, nâng cao chất lượng việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức. Ngược lại, nếu như môi trường, điều kiện hoạt động của đội ngũ trí thức mất dân chủ, thiếu lành mạnh, hạn hẹp, lạc hậu... không chỉ kìm hãm, cản trở, mà còn làm thui chột tài năng, năng lực lao động sáng tạo, cống hiến của họ.

Thứ năm, số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ trí thức. Nếu như một quốc gia có đội ngũ trí thức đông đảo, có chất lượng, cơ cấu hợp lý, cân đối sẽ tạo ra một tập thể thống nhất, hùng mạnh, từ đó có nhiều sự hỗ trợ lẫn nhau việc thực hiện vai trò; còn ngược lại sẽ là sự rời rạc, gặp nhiều khó khăn trong hợp tác lao động, sáng tạo, từ đó chất lượng việc thực hiện vai trò của đội ngũ này khó đảm bảo được chất lượng.

Kết luận chương 2

Từ xưa đến nay, trí thức luôn có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Vấn đề trí thức luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các lãnh tụ, nhà khoa học và toàn xã hội. Ở Việt Nam, vấn đề về trí thức được nhìn nhận dựa trên quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức đã có nhiều đóng góp quan trọng trên mọi mặt của đời sống xã hội. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của đất nước ta đạt được trong thời gian qua không thể không nhắc tới sự đóng góp của đội ngũ trí thức.

Chương 3

VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Khái quát về Thành phố Hồ Chí Minh và đặc điểm đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Khái quát về Thành phố Hồ Chí Minh

Vị trí địa lý, lịch sử hình thành, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây là tiền đề để hình thành, phát triển đội ngũ trí thức TPHCM; quy định đặc điểm, tác động đến việc thực hiện vai trò đội ngũ này trong giai đoạn hiện nay.

3.1.2. Đặc điểm đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài những điểm chung của đội ngũ trí thức Việt Nam, đội ngũ trí thức TPHCM có các điểm đặc thù cơ bản như:

Thứ nhất, hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của TPHCM. Có lịch sử hình thành muộn hơn so với một số tỉnh, thành phố trong cả nước, song đội ngũ trí thức TPHCM đã phát huy truyền thống “Đất thép Thành đồng”, luôn sát cánh cùng với nhân dân Thành phố và cả nước trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và

công cuộc đổi mới đất nước. Sau hơn 40 năm giải phóng, TPHCM đã có sự phát triển về mọi mặt, chính sự phát triển đó đã tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức ngày càng trưởng thành, lớn mạnh.

Thứ hai, được hội tụ từ nhiều nguồn, cả trong và ngoài nước. Do hoàn cảnh lịch sử, có các điều kiện kinh tế - xã hội khá thuận lợi, yêu cầu phát triển thời kỳ đổi mới đã làm cho TPHCM trở thành nơi hội tụ đông đảo trí thức từ nhiều nguồn khác nhau, cả ở trong nước và ngoài nước.

Thứ ba, rất năng động, sáng tạo và thích ứng nhanh với kinh tế thị trường. Xuất phát từ điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc biệt là sự ra đời sớm, ảnh hưởng sâu sắc của nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa phương Tây, nền sản xuất công nghiệp và yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đã khách quan tạo nên đội ngũ trí thức TPHCM rất năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường hơn so với các địa phương khác.

Thứ tư, có điều kiện sinh sống, học tập và làm việc thuận lợi hơn so với một số địa phương khác trong cả nước. Với vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi, kinh tế, xã hội, hội nhập khá phát triển đã tạo cho đội ngũ trí thức TPHCM có điều kiện sinh sống, học tập và làm việc thuận lợi hơn so với một số địa phương khác trong khu vực và cả nước.

Thứ năm, tăng nhanh về số lượng, chất lượng và có cơ cấu đa dạng. Hiện nay, TPHCM có số lượng trí thức chiếm khoảng 20% lượng trí thức của cả nước. Trong giai đoạn từ 2002 - 2015, số lượng người có trình độ đại học tăng 6,1 lần, thạc sĩ tăng 4,6 lần, tiến sĩ tăng 2,2 lần. Chỉ tính riêng số người có trình độ tiến sĩ, lĩnh vực GD&ĐT chiếm tỷ lệ lớn nhất 53,7%, lĩnh vực y tế và hoạt động cứu trợ xã hội chiếm tỷ lệ 18,6%, các lĩnh vực khác chiếm tỷ lệ không đáng kể. Khu vực Nhà nước có số người trình độ đại học và sau đại học nhiều nhất. Số người có trình độ sau đại học tại TPHCM đang có xu hướng trẻ hóa.

3.2. Vai trò đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay – thành tựu và hạn chế

3.2.1. Thực hiện vai trò cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng bộ và chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Từ khi đổi mới đến nay, thông qua các hoạt động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đặc biệt là việc thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Thành phố, đội ngũ trí thức đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học có giá trị trên các lĩnh vực như: kinh tế, xã hội, GD&ĐT, KH&CN, VH&NT... cho Đảng bộ và chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển TPHCM. Các quyết sách đó không chỉ thể hiện sự quán triệt sâu

sắc các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; mà còn thể hiện sự chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong việc khai thác các tiềm năng, thế mạnh, phù hợp với đặc điểm lịch sử - xã hội của TPHCM trong mỗi giai đoạn, mỗi lĩnh vực cụ thể. Và chính các quyết sách đúng đắn đó là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên các thành tựu to lớn và khá toàn diện mà TPHCM đạt được thời kỳ đổi mới. Thành quả đó là sản phẩm kết tinh trí tuệ toàn thể nhân dân, trong đó không thể không kể tới những đóng góp của đội ngũ trí thức trong công tác “tham mưu” hoạch định đường lối, chính sách phát triển Thành phố.

Thứ hai, những hạn chế. Số lượng các công trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn được đội ngũ trí thức thực hiện còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với số lượng trí thức hiện có. Nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình đổi mới vẫn chưa được đội ngũ trí thức TPHCM đi sâu nghiên cứu. Các luận cứ khoa học của đội ngũ trí thức cung cấp cho Đảng bộ, chính quyền TPHCM có chất lượng chưa cao, chưa mang tầm chiến lược, có tính đột phá để hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển TPHCM nhanh hơn và bền vững hơn. Chính vì thế, trước những vấn đề mới phát sinh, Đảng bộ, chính quyền TPHCM tỏ ra lúng túng trong việc thực thi các quyết sách chính trị.

3.2.2. Thực hiện vai trò phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Trước hết, đội ngũ trí thức đã góp phần phát triển quy mô đào tạo>NNLCLC. Chỉ tính trong giai đoạn 2000 - 2015, số lượng trường cao đẳng, đại học trên địa bàn TPHCM đã tăng gấp 4,6 lần, giảng viên tăng gấp 3,9 lần, sinh viên tăng gấp 3,8 lần. Thông qua việc tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo, trực tiếp giảng dạy,...đội ngũ trí thức đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn cho hàng ngàn>NNLCLC của Thành phố. Nếu như năm 2005, có 49.437 sinh viên tốt nghiệp thì đến năm 2015 đã có 121.476 sinh viên tốt nghiệp (tăng gấp 2,5 lần). Bên cạnh đó, để góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị cho>NNLCLC, đội ngũ trí thức ở các cơ sở giáo dục đại học đã tổ chức nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận chính trị cho sinh viên, chương trình Triết học cho học viên một cách có hệ thống. Còn đội ngũ trí thức ở các học viện, trường chính trị, đã tổ chức và mở ra hàng trăm lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính, cao cấp lý luận chính trị để đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng là cán bộ quản lý, lãnh đạo, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị. Kết quả, trình độ lý luận chính trị của>NNLCLC ở TPHCM thời

gian qua tăng lên khá rõ nét. Chỉ tính riêng cán bộ chủ chốt, nếu năm 2001 chỉ có 50% cán bộ có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân, thì đến năm 2015 có 97,8% cán bộ có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân. Với những đóng góp trên, đội ngũ trí thức không chỉ tạo điều kiện cho TPHCM đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy Nhà nước; mà còn góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, những hạn chế. Quy mô đào tạo>NNLCLC vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố. Hiện có khoảng 30,07% nguồn nhân lực TPHCM chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật. Sự khan hiếm>NNLCLC đang diễn ra ở tất cả các ngành nghề, các thành phần kinh tế. Bên cạnh đó là sự mất cân đối về quy mô giữa các bậc đào tạo: cùng một thời gian, bậc cao đẳng, đại học có số lượng trường tăng gấp 2 lần, quy mô đào tạo tăng 3,73 lần, số sinh viên tốt nghiệp hàng năm tăng 2,14 lần so với bậc trung cấp chuyên nghiệp. Hoạt động trang bị tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị cho>NNLCLC vẫn chưa đủ về số lượng và hạn chế về chất lượng. Hệ quả là, tỷ lệ sinh viên, học viên tốt nghiệp không tìm được việc làm, sau khi tuyển dụng phải đào tạo lại còn chiếm tỷ lệ khá cao. Công tác nâng cao trình độ lý luận chính trị cho>NNLCLC vẫn còn một số hạn chế về nội dung, phương pháp đào tạo. Những hạn chế kể trên đang gây cản trở không nhỏ đối với Đảng bộ, chính quyền trong việc thực hiện các chương trình đột phá để thúc đẩy TPHCM phát triển nhanh và bền vững.

3.2.3. Thực hiện vai trò nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Thông qua các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao các thành tựu KH&CN, đội ngũ trí thức đã góp phần đặc lực trong việc hiện thúc đẩy KH&CN TPHCM phát triển khá nhanh và toàn diện trên các lĩnh vực như: công nghệ cao, công nghệ công nghiệp và tự động, nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và quản lý đô thị, các ngành công nghiệp mũi nhọn, những dịch vụ chất lượng cao. Chính từ các kết quả hoạt động của đội ngũ trí thức đã làm cho hàm lượng KH&CN trong nền kinh tế TPHCM ngày càng được nâng lên, chỉ số năng suất tổng hợp (TFP) chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP của Thành phố. Việc ứng dụng các thành tựu KH&CN không chỉ thúc đẩy sự chuyển dịch trong toàn bộ nền kinh tế Thành phố, mà còn tác động mạnh mẽ

đến việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ của từng ngành theo hướng ngày càng hiện đại và hiệu quả hơn. Với những đóng góp kể trên, đội ngũ trí thức đã góp phần to lớn vào việc nâng cao tiềm lực KH&CN, tạo tiền đề để TPHCM đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH chuyển sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu, tiến vào nền kinh tế tri thức, là cơ sở quan trọng để TPHCM thực hiện kế hoạch xây dựng “đô thị thông minh” thời gian tới.

Thứ hai, những hạn chế. Một số kết quả nghiên cứu sáng tạo của đội ngũ trí thức vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố. Số lượng giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học và nghiên cứu viên ở các trung tâm, viện nghiên cứu trên địa bàn Thành phố tham gia nghiên cứu khoa học còn chiếm tỷ lệ khá thấp, số lượng các nghiên cứu còn ít, chất lượng các đề tài nghiên cứu chưa cao. Số công trình được công bố các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới và số lượng sáng chế được đăng ký quốc tế còn ít. Tiềm lực KH&CN vẫn còn khoảng cách khá xa so với các nước tiên tiến trên thế giới, một số lĩnh vực đang đứng trước nguy cơ tụt hậu. Tỷ lệ ứng dụng các kết quả nghiên cứu từ các đề tài KH&CN vào hoạt động sản xuất còn ở mức khá thấp. Hàm lượng tri thức khoa học và giá trị gia tăng của sản phẩm thấp, quá trình đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp diễn ra chậm. Chỉ số năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế so với các nước trong khu vực còn có khoảng cách lớn. Việc nghiên cứu giải mã và nội địa hóa công nghệ nước ngoài chưa nhiều và chưa góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ công nghệ của các cơ sở sản xuất - kinh doanh. Những hạn chế kể trên đang là thách thức không nhỏ đối với TPHCM trong việc chuyển đổi mô hình kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

3.2.4. Thực hiện vai trò xây dựng, phát triển văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - thành tựu và hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức đã sáng tạo nhiều công trình, tác phẩm văn hóa có giá trị. Các công trình sáng tạo của đội ngũ trí thức không chỉ khẳng định những giá trị cao đẹp của con người, đất nước, dân tộc Việt Nam; mà còn góp phần làm sáng tỏ lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Sài Gòn - Gia Định - TPHCM; làm phong phú, sâu sắc thêm những nét đặc sắc của văn hóa TPHCM. Đội ngũ trí thức đã tiến hành điều tra, phát hiện, sưu tập nhiều hiện vật, tài liệu về văn hóa có giá trị, qua đó không chỉ khôi phục, hoàn thiện các giá trị văn hóa của TPHCM, mà còn góp phần giáo dục truyền thống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, Tổ quốc. Đội ngũ trí thức còn khảo sát và lập hồ sơ di tích, di sản văn hóa, bảo vật

quốc gia đề trình lên các cơ quan có thẩm quyền quản lý, công nhận; phê bình, đấu tranh với những quan điểm sai trái, nhận thức thẩm mỹ lệch lạc góp phần giáo dục, định hướng các giá trị chân, thiện, mỹ cho công chúng; tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa của Thành phố đến với bạn bè trong và ngoài nước; tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm giàu, phong phú thêm văn hóa dân tộc và TPHCM, tiên phong trong việc đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, từ đó nâng cao nhận thức, tạo ra “sức đề kháng” cho nhân dân, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, chính sách của Nhà nước. Như vậy, trong thời kỳ đổi mới, đội ngũ trí thức không chỉ xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật mà còn thể hiện vai trò của mình trong việc xây dựng nền tảng tinh thần của Thành phố; tạo cơ sở vững chắc đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển xã hội TPHCM ổn định và bền vững.

Thứ hai, một số hạn chế. Số lượng, chất lượng các công trình nghiên cứu sáng tạo VH&NT của đội ngũ trí thức còn khá khiêm tốn, chưa có công trình văn hóa nào tương xứng với vị trí, vai trò là một trong những trung tâm lớn về văn hóa của cả nước. Hoạt động phê bình văn học, nghệ thuật của đội ngũ trí thức vẫn còn mang tính đơn lẻ, thiếu tổ chức, chất lượng chưa cao; công tác lập hồ sơ đề xuất công nhận di tích còn chậm, hoạt động ở các Bảo tàng hình thức còn đơn điệu, nội dung ít đổi mới. Trên lĩnh vực thông tin, truyền thông vẫn còn một số trí thức chưa bám sát tôn chỉ, mục đích hoạt động trong lĩnh vực báo chí. Việc tiếp thu tinh hoa văn hóa của các nước còn hạn chế, công tác giới thiệu, quảng bá các sản phẩm VH&NT nổi bật của Thành phố đến bạn bè thế giới còn thiếu tính chủ động. Đội ngũ trí thức vẫn chưa thực sự chuyên nghiệp, sắc bén, tính chiến đấu chưa cao trong công tác đấu tranh nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đường lối, chính sách của Nhà nước và Thành phố. Những hạn chế kể trên làm cho sức mạnh “nội sinh” của Thành phố chưa được phát huy đúng mức, chưa tạo ra sức lan tỏa, sự ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội; mà còn làm cho các giá trị văn hóa đứng trước nguy cơ bị mai một, ảnh hưởng không nhỏ đến việc giữ vững ổn định chính trị, tư tưởng trên địa bàn TPHCM cũng như cả nước.

3.2.5. Thực hiện vai trò phản biện xã hội góp phần hoàn thiện chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu và hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Trong thời kỳ đổi mới, đội ngũ trí thức đã tích cực tham gia phản biện xã hội nhiều dự thảo, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội do Thành ủy, Ủy ban Nhân dân, các Sở,

Ban, Ngành của TPHCM đưa ra. Những ý kiến phản biện xã hội của đội ngũ trí thức đã được Đảng bộ TPHCM tiếp thu và đưa một số nội dung vào các văn kiện Đại hội. Đội ngũ trí thức còn tham gia phản biện các nội dung trong dự thảo Hiến pháp, hàng trăm dự thảo Luật, Bộ luật, các văn bản quy phạm pháp luật khác; từ đó tạo điều kiện cho Nhà nước hoàn thiện công cụ điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội. Ngoài ra, đội ngũ trí thức còn tiến hành phản biện xã hội nhiều đề án phát triển kinh tế - xã hội của chính quyền TPHCM, qua đó giúp chính quyền TPHCM có những căn cứ khoa học để điều chỉnh các quyết sách của mình một cách kịp thời, mang lại hiệu quả tích cực. Có thể nói, hoạt động phản biện xã hội của đội ngũ trí thức thời gian qua không chỉ góp phần nâng tầm trí tuệ việc thực thi các quyết sách chính trị, mà còn đảm bảo cho Đảng bộ, chính quyền TPHCM thực hiện các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội sát với yêu cầu của thực tiễn, giảm sai sót, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong xã hội; từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội TPHCM phát triển, an ninh - chính trị trên địa bàn ổn định, niềm tin của nhân dân vào Đảng bộ, chính quyền được nâng lên.

Thứ hai, một số hạn chế. Còn khá nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch, dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở TPHCM chưa được đội ngũ trí thức phản biện một cách kịp thời, đầy đủ. Chất lượng các ý kiến phản biện của đội ngũ trí thức vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa có nhiều ý kiến mang tầm chiến lược, có tính đột phá cao để tạo cơ sở khoa học cho Đảng bộ, chính quyền hoạch định các đường lối, chính sách phát triển TPHCM nhanh hơn, mạnh hơn. Nội dung, phương thức hoạt động phản biện xã hội của đội ngũ trí thức vẫn còn mang tính đơn lẻ, thiếu tính chuyên nghiệp, chuyên sâu. Một bộ phận trí thức, nhất là trí thức trẻ còn thiếu tính tự giác, thái độ thờ ơ, bàng quan chính trị trước các vấn đề “quốc kế, dân sinh” của Thành phố cũng như của đất nước. Chính những hạn chế đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến số lượng, chất lượng hoạt động phản biện xã hội tại TPHCM trong thời gian qua.

3.3. Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

3.3.1. Sự bất cập trong nhận thức ở một bộ phận người dân Thành phố Hồ Chí Minh về vai trò của đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Trong hệ thống chính trị, nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về vai trò của đội ngũ trí thức chưa thực sự đầy đủ, do đó chưa quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng, Đảng bộ, chính quyền TPHCM về công tác trí thức. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa thực sự cầu thị, lắng nghe

ý kiến phản biện của đội ngũ trí thức. Trong xã hội, việc áp dụng các thành tựu KH&CN, VH&NT vào đời sống còn khiêm tốn. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, một số doanh nghiệp chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của KH&CN, VH&NT đối với sự phát triển của bản thân doanh nghiệp. Một bộ phận trí thức, nhất là trí thức trẻ chưa nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò của mình đối với sự nghiệp CNH, HĐH.

3.3.2. Sự bất cập trong công tác tuyển dụng, sử dụng dẫn đến hạn chế việc phát huy vai trò đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Công tác tuyển dụng trí thức ở một số cơ quan, tổ chức nhất là trong các cơ quan Nhà nước chưa được công khai, minh bạch, khách quan. Việc bố trí, bổ nhiệm còn hạn chế nên chưa tạo điều kiện để trí thức phát huy tốt nhất vai trò của mình. Công tác sử dụng trí thức, nhất là trí thức trẻ tuổi, trí thức đã nghỉ hưu nhưng còn đủ sức khỏe, có tâm huyết chưa được coi trọng đúng mức. Công tác trọng dụng trí thức là người ngoài Đảng còn quá đề cao quan điểm chính trị, xem nhẹ năng lực, hiệu quả công việc. Công tác trọng dụng trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài vẫn còn vướng mắc bởi một số chủ trương, chính sách.

3.3.3. Môi trường và điều kiện hoạt động chưa thực sự khuyến khích tính tích cực lao động sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Môi trường dân chủ của xã hội và môi trường trong một số cơ quan, tổ chức hoạt động của trí thức chưa thực sự dân chủ, lành mạnh. Công tác thực hiện, thanh quyết toán tài chính đối với công trình KH&CN vẫn còn theo cơ chế “xin cho”, có quá nhiều thủ tục hành chính không cần thiết. Sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu, doanh nghiệp chưa được coi trọng. Thị trường KH&CN, VH&NT tại TPHCM vẫn còn đang ở giai đoạn sơ khai.

3.3.4. Sự bất cập trong công tác đào tạo đã làm cho đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ sinh viên, học viên trên tổng dân số ở TPHCM vẫn còn ở mức thấp. Các hình thức đào tạo đội ngũ trí thức chưa phát triển theo xu hướng của thế giới. Quy mô tuyển sinh ở các cơ sở giáo dục đại học tăng nhưng quy mô giảng viên phát triển không theo kịp. Sự khan hiếm các chức danh khoa học diễn ra khá phổ biến ở các ngành, nghề, đơn vị tại TPHCM. Một số nội dung, chương trình đào tạo lạc hậu, chậm đổi mới. Phương pháp giảng dạy của một số giảng viên còn theo lối truyền thống, chưa phát huy tính tự chủ, năng lực sáng tạo của người học. Công tác quản lý, kiểm định chất lượng đào tạo chưa được thực hiện chặt chẽ nên sự phát triển của quy mô chưa tương xứng với chất lượng đào tạo.

3.3.5. Chính sách đãi ngộ chưa tương xứng với những đóng góp của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Chính sách tiền lương đối với trí thức còn mang tính cào bằng, chưa đảm bảo các nhu cầu vật chất và tinh thần để đội ngũ này toàn tâm, toàn ý lao động sáng tạo và cống hiến. Thù lao ngoài lương của đội ngũ trí thức chưa có sự thống nhất. Vấn đề nhà ở, phương tiện đi lại đối với trí thức, nhất là trí thức trẻ đang gặp nhiều khó khăn. Chính sách khen thưởng, tôn vinh trí thức còn quá nhiều thủ tục hành chính. Giá trị các giải thưởng chưa tương xứng với hình thức khen thưởng. Công tác “xã hội hóa” hoạt động tôn vinh, khen thưởng trí thức chưa được đẩy mạnh.

Kết luận chương 3

Bên cạnh những đặc điểm chung của đội ngũ trí thức Việt Nam, do điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử - xã hội riêng, đội ngũ trí thức TPHCM có những điểm đặc thù. Từ khi đổi mới đến nay, trước yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế, đội ngũ trí thức đã có nhiều đóng góp quan trọng thể hiện vai trò to lớn của mình đối với sự phát triển của Thành phố. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM vẫn còn tồn tại một số bất cập. Những bất cập đó đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và chính bản thân đội ngũ trí thức TPHCM cần nghiêm túc nhìn nhận một cách khách quan, đề từ đó đề ra các giải pháp kịp thời, khoa học, nhằm phát huy có hiệu quả vai trò của đội ngũ trí thức trong thời gian tới.

Chương 4

GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.1. Nâng cao nhận thức cho người dân TPHCM về vai trò của đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay

Thứ nhất, đối với quần chúng nhân dân. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tổ chức hội thi, hội thảo,... Trong đó, trọng tâm vẫn là công tác tuyên truyền và giáo dục với các hình thức như: tổ chức lớp học, biên tập tài liệu giáo dục,... Khi thực hiện, bên cạnh tính đại trà, cần tập trung vào một số đối tượng tiêu biểu như: người đứng đầu doanh nghiệp, học sinh, sinh viên.

Thứ hai, đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Cần nâng tầm trí tuệ của các cấp ủy Đảng, Nhà nước bằng cách: nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu các đường lối, chủ trương của Đảng về trí thức. Cán bộ lãnh đạo, quản lý phải linh hoạt, mềm dẻo trong từng quyết sách, từng cách thức tiếp cận, giải quyết vấn đề; nhất là trước các ý kiến phản biện xã

hội của trí thức. Đối với những cán bộ làm chuyên trách GD&ĐT, KH&CN, VH&NT, cần được đào tạo, tập huấn bài bản.

Thứ ba, đối với chính bản thân đội ngũ trí thức TPHCM. Phải tự ý thức được vị trí, vai trò, trách nhiệm đối với sự phát triển của xã hội; không được thụ động, ỷ lại, phải nỗ lực, vượt qua khó khăn để nâng cao bản lĩnh, trình độ chuyên môn, nỗ lực vươn lên trong lao động, sáng tạo, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng, phát triển của TPHCM, đất nước.

4.2. Hoàn thiện chính sách sử dụng đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách tuyển dụng và bổ nhiệm. Nên thực hiện công bố thông tin tuyển dụng công khai. Khi thi tuyển hoặc xét tuyển cần đánh giá khách quan. Nên có chính sách tuyển dụng linh hoạt, phù hợp với từng vị trí việc làm. Cần đẩy mạnh công tác bổ nhiệm trí thức thông qua hình thức thi tuyển. Trong quá trình thi tuyển cần chú ý đến nội dung, chất lượng của đề án, chương trình hành động của ứng viên. Hội đồng đánh giá phải khách quan, có trách nhiệm.

Thứ hai, tăng cường trọng dụng trí thức trẻ, trí thức cao tuổi có tài năng, đủ sức khỏe. Cần mạnh dạn bổ nhiệm trí thức trẻ có tài năng vào các vị trí quản lý, lãnh đạo quan trọng; giao cho họ làm chủ nhiệm một số đề tài, chương trình khoa học cấp Thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước dưới sự hướng dẫn của những trí thức có nhiều kinh nghiệm. Cần trọng dụng trí thức đã nghỉ hưu nhưng còn đủ sức khỏe, có nhiều tâm huyết.

Thứ ba, đẩy mạnh trọng dụng trí thức là người ngoài Đảng. Cần xác định cụ thể cương vị lãnh đạo, quản lý nào phải bố trí Đảng viên nắm giữ, cương vị nào không. Nên mạnh dạn giao cho trí thức không phải là Đảng viên nắm giữ các cương vị lãnh đạo, quản lý mang tính nghề nghiệp chuyên môn, sản xuất kinh doanh.

Thứ tư, tận dụng nguồn lực trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài. Cần tạo lập môi trường thuận lợi, thông thoáng, có các chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần xứng đáng để thu hút được nhiều trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về TPHCM lao động, cống hiến.

4.3. Tạo dựng môi trường và điều kiện hoạt động thuận lợi để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, tạo lập môi trường xã hội dân chủ và lành mạnh trong các cơ quan hoạt động của đội ngũ trí thức. Để tạo lập môi trường dân chủ trong hoạt động sáng tạo của đội ngũ trí thức cần thực hiện trên nguyên tắc dân chủ, quy định của pháp luật, vì lợi ích của nhân dân, vì sự phồn vinh của Thành phố. Cần xây dựng cơ quan, tổ chức hoạt động của trí thức đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện công trình KH&CN và thanh quyết toán tài chính. Đẩy mạnh hình thức đấu thầu công khai, minh bạch, dựa trên các tiêu chí đối với từng cá nhân, tổ chức có nhu cầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Cần tăng cường cơ chế đặt hàng đề tài, dự án KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch tài chính để có sự điều chỉnh kịp thời. Cần cải cách cơ chế thanh quyết toán tài chính theo hướng nâng cao định mức thuê khoán, tinh giảm các giấy tờ. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ về tài chính trong quá trình triển khai nhiệm vụ KH&CN.

Thứ ba, tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Để khắc phục hạn chế về nhân lực, vật lực, đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động GD&ĐT, KH&CN, VH&NT, hình thành tổ hợp giáo dục - nghiên cứu - sản xuất, kinh doanh đòi hỏi phải gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo>NNLCLC với trung tâm, viện nghiên cứu; giữa cơ sở đào tạo>NNLCLC, trung tâm, viện nghiên cứu với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Thứ tư, phát triển dịch vụ, thị trường KH&CN, VH&NT. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ KH&CN, VH&NT để đội ngũ trí thức “rảnh tay”, chuyên tâm vào hoạt động sáng tạo. Phát triển thị trường KH&CN, VH&NT không chỉ tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện sự đổi mới, tôn vinh xứng đáng công sức, trí tuệ, sự đóng góp của đội ngũ trí thức mà còn tạo động lực cho đội ngũ này lao động sáng tạo, cống hiến.

Thứ năm, tăng ngân sách đầu tư cho KH&CN và đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế. Cần tăng ngân sách đầu tư cho các hoạt động của đội ngũ trí thức. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, bằng cách kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ GD&ĐT, KH&CN, VH&NT. Cần đẩy mạnh mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế.

Thứ sáu, kết hợp việc kiện toàn và xây dựng mới một số cơ sở nghiên cứu KH&CN, trường đại học ngang tầm khu vực và quốc tế. Cần kiện toàn và đầu tư xây mới một số cơ sở nghiên cứu, trường đại học ngang tầm khu vực và thế giới để góp phần nâng cao tiềm lực, tiến tới làm chủ một số thành tựu KH&CN; mặt khác, còn tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức phát huy có hiệu quả năng lực sáng tạo, thu hút nhân tài, khắc phục tình trạng “chảy máu chất xám”.

4.4. Đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, tăng chỉ tiêu, đa dạng hình thức đi liền với điều chỉnh cơ cấu và nâng cao chất lượng đào tạo. Cần tăng quy mô đào tạo, đặc biệt là tăng chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học. Cần đẩy mạnh các hình thức đào

tạo: vừa làm vừa học, liên thông, từ xa, văn bằng hai. Điều chỉnh lại cơ cấu đào tạo đội ngũ trí thức một cách khoa học, hợp lý. Nên mở thêm một số ngành đào tạo thuộc lĩnh vực KH&CN cao đang có xu hướng phát triển trên thế giới mà TPHCM có thể mạnh. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo phát triển về số lượng gắn với chất lượng, khắc phục bệnh thành tích, thương mại hóa trong giáo dục.

Thứ hai, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo. Cần tiến hành rà soát, đánh giá lại toàn bộ nội dung, chương trình để làm căn cứ bổ sung thêm những nội dung mới đảm bảo tính liên thông, liên ngành, đạt chuẩn quốc tế. Nên mời các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước, các doanh nhân tham gia tư vấn, phản biện đối với chương trình đào tạo. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, nâng cấp các trang thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Thứ ba, đào tạo lại trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức đầu ngành. Thực hiện định kỳ đào tạo lại chuyên môn cho đội ngũ trí thức, nhất là ngoại ngữ, tin học. Cần tăng đầu tư ngân sách cho lĩnh vực đào tạo sau đại học. Nên tuyển chọn một số cán bộ khoa học trẻ tuổi, nhiều triển vọng cử đến các nước có nền giáo dục, KH&CN tiên tiến trên thế giới để đào tạo, bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ trí thức đầu ngành mạnh.

Thứ tư, đẩy mạnh hơn nữa chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ của Thành ủy. Cần tăng chỉ tiêu đào tạo, mở rộng đối tượng tham gia, định kỳ đánh giá nhằm điều chỉnh phù hợp yêu cầu phát triển của Thành phố.

4.5. Đổi mới chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, cải cách mạnh mẽ chính sách tiền lương và mức chi trả thù lao ngoài lương cho đội ngũ trí thức. Cần cải cách mạnh mẽ chính sách tiền lương. Chính sách tiền lương phải chú ý đến tính đặc thù của từng loại hình lao động, điều kiện tại TPHCM, dựa trên vị trí việc làm và hiệu quả của lao động, bám sát sự vận động và phát triển của xã hội. Cần nâng mức chi trả thù lao ngoài lương. Cần có các chính sách hỗ trợ về nhà ở, phương tiện đi lại cho đội ngũ trí thức yên tâm công tác.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách tôn vinh, khen thưởng đội ngũ trí thức. Cần đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Nên dựa vào sự ghi nhận của công chúng để tôn vinh trí thức. Cần nâng mức khen thưởng cao hơn để tương xứng với những đóng góp của trí thức. Nên xây dựng thêm các giải thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định, hình thức tôn vinh, khen thưởng trí thức. Cần đẩy mạnh tuyên dương trí thức, nhà khoa học có cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Thành phố, đất nước nhằm tạo ra phong trào thi đua lao động, sáng tạo.

Kết luận chương 4

Từ khi đổi mới đến nay, công tác phát huy vai trò đội ngũ trí thức TP HCM đã đạt được một số kết quả to lớn. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Vì vậy, đề ra các giải pháp khoa học để phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ trí thức TP HCM là một trong những nhiệm vụ mang tính cấp thiết hiện nay. Với truyền thống “đất thép thành đồng”, chúng tôi tin tưởng rằng, nếu như những giải pháp trên được triển khai, áp dụng không chỉ đáp ứng sự mong mỏi của bản thân đội ngũ trí thức, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ này phát huy vai trò của mình một cách có hiệu quả, góp phần quan trọng trong sự nghiệp CNH, HĐH, phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế của TP HCM.

KẾT LUẬN CHUNG

1. Trước bối cảnh của thời đại và yêu cầu phát triển của đất nước, việc nghiên cứu vai trò đội ngũ trí thức TP HCM không chỉ có ý nghĩa lý luận, ý nghĩa thực tiễn; mà còn mang tính cấp thiết sâu sắc. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu “vai trò của đội ngũ trí thức TP HCM trong giai đoạn hiện nay” còn có ý nghĩa và tính cấp thiết cao hơn bởi vì, là địa phương có lượng trí thức đông đảo, nhưng công tác phát huy vai trò đội ngũ này trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế bất cập.

2. Trên cơ sở tán thành quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức, luận án đã nêu lên năm đặc điểm cơ bản để nhận diện trí thức. Dựa trên mục đích, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, luận án đã phân tích năm vai trò và chỉ ra năm nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối với TP HCM, từ những điều kiện về địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội... đã quy định nên các đặc điểm, vai trò đội ngũ trí thức mang tính đặc thù. Sau hơn ba mươi năm đổi mới, TP HCM đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện; một trong những nhân tố tạo nên kết quả đó không thể không nhắc tới những đóng góp của đội ngũ trí thức.

4. Đội ngũ trí thức ngày càng giữ vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng TP HCM trở thành Thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại và nghĩa tình. Song, do nhiều nguyên nhân khác nhau, vai trò đội ngũ trí thức vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố. Vì vậy, đi sâu phân tích nguyên nhân, đề ra các giải pháp khắc phục nhằm phát huy có hiệu quả vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới.

5. Trong thời gian tới, các vấn đề như: trí thức trẻ, trí thức nữ, trí thức Việt kiều tại TP HCM là những vấn đề có ý nghĩa lý luận, thực tiễn đang đặt ra, sẽ được tác giả nghiên cứu tiếp sau công trình luận án này.